

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Nam Trà My, giai đoạn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRÀ MY
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 4
(Ngày 16 tháng 3 năm 2022)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2030;

Căn cứ Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Trà My giai đoạn đến năm 2030;

Sau khi xem xét Tờ trình số 43/TTr-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND huyện về việc Đề nghị thông qua Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Trà My, giai đoạn đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Trà My giai đoạn đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới khu vực lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới: Toàn bộ địa giới hành chính huyện Nam Trà My.

+ Phía Đông : giáp huyện Sơn Tây thuộc tỉnh Quảng Ngãi và huyện Konplong thuộc tỉnh Kon Tum;

+ Phía Tây : giáp huyện Phước Sơn;

+ Phía Nam : giáp huyện Đăk Glei và huyện Tumơrông thuộc tỉnh KonTum;

+ Phía Bắc : giáp huyện Bắc Trà My.

b) Tổng diện tích đất tự nhiên: 826,38 km², với 10 đơn vị hành chính cấp xã;

2. Tính chất: Là vùng động lực phát triển cho Cụm Tây Nam theo hành lang kinh tế Nam Quảng Nam (bao gồm 3 huyện Tiên Phước – Bắc Trà My – Nam Trà My).

3. Động lực và tiềm năng phát triển

- Nằm trên giao lộ của hai tuyến giao thông huyết mạch trên vùng Tây Quảng Nam là Quốc lộ 40B và Đông Trường Sơn, Nam Trà My có thể phát triển thành điểm trung chuyển hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu từ đồng bằng lên miền núi, từ các khu vực phát triển năng động (Chu Lai, Dung Quất) lên Tây Nguyên, sang Lào, Cam-pu-chia và ngược lại.

- Nam Trà My nằm trên Hành lang phát triển Nam Quảng Nam và được xác định là không gian kết nối phát triển phía Tây cho Cụm Tây Nam (bao gồm 3 huyện Tiên Phước - Bắc Trà My - Nam Trà My) trong mỗi liên kết hỗ trợ phát triển với Cụm động lực số 3 (Tam Kỳ - Núi Thành - Phú Ninh).

- Lợi thế về cây dược liệu: Là trung tâm của vùng trồng Sâm Ngọc Linh, một thương hiệu Sâm cấp quốc gia;

4. Các chỉ tiêu phát triển vùng

a) Dân số:

- Đến năm 2025: Dân số đạt khoảng 32.300 người; trong đó dân số đô thị khoảng 7.250 người, nông thôn khoảng 25.050 người.

- Đến năm 2030: Dân số đạt khoảng 33.300 người; trong đó dân số đô thị khoảng 9.500 người, nông thôn khoảng 23.800 người.

b) Đô thị hóa: Tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 khoảng 22,5%; năm 2030 khoảng 28,5%.

5. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Phân vùng phát triển

- Tiểu vùng 1:

+ Gồm các xã Trà Linh, Trà Nam, Trà Cang;

+ Định hướng phát triển chính của tiểu vùng: Đây là vùng có tiềm năng, thế mạnh về phát triển “Vùng trồng cây dược liệu kết hợp kinh tế rừng”. Liên kết với các huyện Đắc G’lây, Tu M’rông (Kon Tum) để hình thành vùng bảo tồn, phát triển sâm Ngọc Linh gắn với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

+ Trung tâm tiểu vùng: Khu trung tâm xã Trà Linh.

- Tiểu vùng 2:

+ Gồm các xã Trà Mai, Trà Don, Trà Vinh, Trà Vân;

+ Định hướng phát triển chính của tiểu vùng: Đây là vùng có tiềm năng, thế mạnh về phát triển “Đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp - nông lâm nghiệp”. Liên kết với các huyện Sơn Tây (Quảng Ngãi), Kon P’long (Kon Tum), tận dụng lợi thế có các trục giao thông chính (QL40B, Đông Trường Sơn), cụm Công nghiệp Trà Don - Trà Mai để hình thành các vùng trồng dược liệu, sản xuất nông nghiệp tập trung và phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ.

- Trung tâm tiểu vùng: Trung tâm chính là Xã Trà Mai (đô thị trung tâm huyện Nam Trà My) và trung tâm phụ tại khu trung tâm Xã Trà Vinh.

- Tiểu vùng 3:

+ Gồm các xã Trà Tập, Trà Don, Trà Leng;

+ Định hướng phát triển chính của tiểu vùng: Đây là vùng có tiềm năng, thế mạnh về phát triển “Nông lâm nghiệp”. Liên kết với huyện Bắc Trà My, Phước Sơn, để hình thành và phát triển vùng Quế gốc Trà My gắn với phát triển xây dựng các vùng trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn phục vụ công nghiệp chế biến.

+ Trung tâm tiểu vùng: Trung tâm xã Trà Don.

b) Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển

- Nông, lâm nghiệp:

+ Tập trung phát triển trồng rừng sản xuất, phát triển kinh tế rừng gắn với quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Từng bước chuyển đổi rừng sản xuất hiện có sang trồng rừng với các loại cây gỗ lớn có giá trị kinh tế cao;

+ Phát triển vùng cây dược liệu: Tổng diện tích trồng cây dược liệu trên địa bàn huyện đến năm 2025 đạt khoảng 15.819ha; đến năm 2030 đạt khoảng 26.442ha;

+ Phát triển vùng cây Quế Trà My: Tổng diện tích trồng cây Quế Trà My trên địa bàn huyện đến năm 2025 đạt khoảng 10.000ha; đến năm 2030 đạt khoảng 20.000ha;

+ Phát triển vùng trồng sâm Ngọc Linh: Tổng diện tích trồng sâm Ngọc Linh đến năm 2025 đạt khoảng 6.153ha và đến năm 2030 đạt khoảng 10.256ha; bố trí

tập trung tại 7 xã (Trà Linh, Trà Cang, Trà Nam, Trà Đơn, Trà Tập, Trà Leng và Trà Đơn).

+ Phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại:

* Các xã: Trà Đơn, Trà Leng, Trà Tập: Phát triển sản xuất kinh tế vườn, kinh tế trang trại chủ yếu là các cây dài ngày, như: cây Quế (chủ lực), Sâm Ngọc Linh, cây giổi, cây cau,... các loại cây ăn trái và cây ngắn ngày...; chú trọng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất hữu cơ và ứng dụng công nghệ cao; phát triển một số loại cây dược liệu phù hợp với địa phương;

* Các xã: Trà Mai, Trà Vinh, Trà Vân và Trà Đơn: Phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trồng cây dài ngày (quế, Giổi, cây cau...); cây rau màu (rau lủi, rau má rừng...); các loại cây ăn quả các loại; phát triển một số loại cây dược liệu như chè dây, khổ qua rừng...; đẩy mạnh phát triển các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; Phát triển các trang trại trồng cây lâm nghiệp, chú trọng trồng cây gỗ lớn.

* Các xã: Trà Cang, Trà Nam và Trà Linh: Phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trồng chủ yếu các loại cây dược liệu bản địa (sâm Ngọc Linh, Đảng sâm, Chè dây, Đương quy, Giáo cổ lam, Bảy lá một hoa, quế Trà My....); cây ăn quả các loại; phát triển các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm theo từng xã.

+ Cơ sở chăn nuôi tập trung: Đến năm 2025 và năm 2030, trên địa bàn huyện có 22 cơ sở chăn nuôi tập trung với tổng diện tích khoảng 650,7ha;

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

+ Công nghiệp: Toàn huyện đến năm 2025 và năm 2030 có 03 cụm công nghiệp với tổng diện tích đất công nghiệp tập trung đạt khoảng 29 ha;

+ Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống: Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp làng nghề truyền thống ở các khu dân cư có sản phẩm hàng hóa đặc trưng của địa phương.

- Thương mại - dịch vụ

+ Mạng lưới chợ: Đến năm 2025 và năm 2030; trên địa bàn huyện 04 chợ với tổng diện tích 0,85ha;

+ Trung tâm thương mại - dịch vụ:

* Hình thành mới 01 trung tâm mua sắm tổng hợp tại thôn 1, xã Trà Mai; Nâng cấp phát triển Khu trung tâm giới thiệu, tổ chức hội chợ, tổ chức Phiên chợ sâm Ngọc Linh và hàng nông sản địa phương thành Trung tâm Thương mại - OCOP huyện;

* Phát triển các điểm buôn bán trao đổi nông sản tại các trung tâm xã (đối với các xã không quy hoạch phát triển chợ); hình thành và phát triển 10 điểm OCOP huyện;

- Du lịch: Đến năm 2030, phát triển các điểm du lịch với 3 loại hình chủ đạo với 38 điểm du lịch gồm:

+ Du lịch văn hóa - lịch sử: Bảo tồn và phát huy giá trị của khu di tích lịch sử cách mạng Nước Lã; Khu di tích lịch sử cách mạng Ban cán sự miền Tây Quảng Nam và Khu rừng bác Năm Công;

+ Du lịch sinh thái: Phát triển 10 điểm du lịch sinh thái gồm: (1) Thác 5 Tầng, (2) Suối Nước Mưa; (3) Du lịch khám phá Rừng tre khổng lồ; (4) Thác Noong Lau; (5) Vườn Sâm Tắc Ngo; (6) Du lịch lên đỉnh Ngọc Linh; (7) Điểm du lịch suối nước nóng xã Trà Don (trên QL40B); (8) Trải nghiệm ruộng bậc thang tại Long Riêu; (9) Cảnh đồng Mừng Lứt tại thôn 3, xã Trà Cang; (10) Cảnh đồng Măng Bung, xã Trà Vinh...;

+ Du lịch cộng đồng: Phát triển 09 điểm du lịch cộng đồng gồm: (1) Phát triển du lịch cộng đồng tại khu dân cư Nóc ông già Nôn và Khu dân cư làng Tác Chơm tại xã Trà Mai; (2) làng nghề đan lát, dệt thổ cẩm tại Long Riêu xã Trà Nam; (3) Làng nghề chế biến rượu cần; đan lát, dệt thổ cẩm Tak Tố, Tak Chanh xã Trà Don (4) Tham quan Vùng Quế Góc Trà Leng; (5) Làng văn hóa Mô Chai, xã Trà Linh); (6) Làng văn hóa Bằng La, xã Trà Leng); (7) Làng văn hóa Tắc Lan, xã Trà Don; (8) Làng văn hóa Lâng Loan, xã Trà Cang); (9) Làng Răng chuối, xã Trà Tập.

+ Đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông kết nối các điểm du lịch và cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch tại các điểm. Liên kết với các địa phương khác tổ chức, quảng bá các tour, tuyến tham quan; trong đó, chú trọng 02 trục liên kết:

* **Trục 1:** Đà Nẵng -> Hội An -> Mỹ Sơn -> Đại Bình -> Hòn kẽm -> Di tích khu V Phước Trà -> Lòng hồ sông Tranh -> Nam Trà My -> Ngã ba Đông Dương -> Cửa khẩu Bờ Y -> Khâm Đức -> Nam Giang -> Cổng trời Đông Giang -> Khu Thần tài -> Đà Nẵng.

* **Trục 2:** Đà Nẵng -> Hội An -> Vinpael -> Tam Thanh -> Nhà bác Công -> Hồ Phú Ninh -> Nhà cụ Huỳnh và Lộc Yên -> Di tích Nước Oa -> Lòng hồ sông Tranh -> Nam Trà My -> Ngã ba Đông Dương -> Cửa khẩu Bờ Y -> Khâm Đức -> Nam Giang -> Cổng trời Đông Giang -> Khu Thần tài -> Đà Nẵng.

6. Định hướng tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn

a) Đô thị:

- Giai đoạn đến năm 2030: Toàn huyện có 01 đô thị là đô thị trung tâm huyện Nam Trà My; Đô thị loại V trực thuộc huyện;

+ Dân số: Đến năm 2025 đạt khoảng 7.250 người; đến năm 2030 đạt khoảng 9.500 người.

- Các chỉ tiêu phát triển đô thị được xác định theo đồ án quy hoạch chung đô thị trung tâm huyện Nam Trà My và vùng phụ cận với Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kiến trúc cảnh quan, môi trường theo tiêu chí đô thị loại V.

b) Nông thôn.

- Trung tâm cụm xã: Trà Linh (03 xã Trà Linh, Trà Nam và Trà Cang); Trà Vân (02 xã Trà Vân, Trà Vinh và một phần xã Trà Don); Trà Don (02 xã Trà Don và Trà Leng và một phần của xã Trà Tập) với vai trò hạt nhân phát triển của các cụm xã.

Trung tâm xã: Phát triển khu trung tâm các xã còn lại theo quy hoạch chi tiết trung tâm xã đã được UBND huyện Nam Trà My phê duyệt trong đồ án quy hoạch nông thôn mới các xã.

- Khu dân cư: Thực hiện theo đề án sắp xếp, bố trí lại dân cư trên địa bàn huyện Nam Trà My đã được phê duyệt; theo đó, giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030: Phân đầu xây dựng hoàn thiện và phát triển ổn định 115 khu dân cư theo đề án đã được phê duyệt.

7. Định hướng các khu vực bảo tồn:

- Bảo tồn, kết hợp với khoanh nuôi bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và các khu vực đặc trưng trên địa bàn huyện;

- Các khu di sản, di tích lịch sử - văn hóa như của khu di tích lịch sử cách mạng Nước Là; Khu di tích lịch sử cách mạng Ban cán sự miền Tây Quảng Nam.

- Các làng nghề truyền thống, điểm dân cư đặc trưng của huyện;

- Các vùng trồng Sâm Ngọc Linh; các vùng trồng Quế gốc Trà Leng.

8. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

- Giáo dục – đào tạo: Tiếp tục xây dựng Nghị quyết về Đề án phát triển Giáo dục MN, TH, THCS giai đoạn 2021-2030, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học; Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Nam Trà My và Trường PT DT Nội trú Nam Trà My đạt chuẩn.

- Y tế: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm y tế huyện lên Bệnh viện đa khoa cấp huyện (quy mô 150 giường); Xây dựng các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới đảm bảo các điều kiện khám chữa bệnh với kỹ thuật y học tiên tiến đáp ứng nhu cầu chăm sóc chữa bệnh cho nhân dân.

- Văn hóa - thể thao: Cải tạo, nâng cấp sân vận động huyện; Xây mới trung tâm văn hóa - thể thao huyện, các trung tâm văn hóa, TDTT, nhà văn hóa, nhà thiếu nhi theo định hướng đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trung Tâm huyện Nam Trà My và vùng phụ cận làm nơi tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao của huyện.

9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Nền xây dựng được tổ chức san lấp cục bộ, tổ chức hướng dốc về phía có hệ thống thoát nước. Không xây dựng ở khu vực đồi núi dốc có nguy cơ sạt lở, khu vực gần sông suối có nguy cơ lũ quét.

- Hướng thoát nước chung toàn huyện theo hướng dòng chảy chính của các

sông: sông Tranh, sông Leng, sông Nước Là,...

- Xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh cho khu vực đô thị, hệ thống thu gom xử lý nước thải riêng để đảm bảo tiêu chuẩn môi trường. Hệ thống thoát phải đảm bảo thoát nước nhanh chóng cho đô thị. Đối với khu vực nông thôn xây dựng hệ thống thoát nước chung, bố trí mương rãnh phía taluy dương các tuyến đường, công trình xây dựng.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Quốc lộ 40B: Nâng cấp, mở rộng đoạn ngoài trung tâm huyện Nam Trà My đạt tiêu chuẩn đường cấp IV vùng núi Quản lý lộ giới 12,5m (2,5+7,5+2,5)m, hành lang bảo vệ mỗi bên 10m. Đoạn trong khu trung tâm Quản lý lộ giới 17m (3,0+11,0+3,0) m.

+ Đường Trường Sơn Đông: Quản lý theo lộ giới 30m: Mặt cắt = (10,0+10,0+10,0m).

+ Bến xe: Quy hoạch mới bến xe loại III với diện tích mặt bằng 5.000 (m²), vị trí tại khu vực trung tâm hành chính huyện. Quy hoạch mới 03 bến xe loại V với diện tích mặt bằng 1.500 (m²), vị trí tại thôn 2 xã Trà Linh, thôn 2 xã Trà Vinh và thôn 2 xã Trà Leng.

- Đường huyện:

Định hướng đến năm 2030 toàn huyện có 12 tuyến đường ĐH; đầu tư kiên cố hóa mặt đường (rải nhựa hoặc bê tông xi măng) các tuyến đường ĐH đạt tiêu chuẩn đường cấp V vùng núi (nền đường 6,5m, mặt đường 3,5m); trong đó:

+ Kéo dài tuyến ĐH1.NTM thêm 20km từ Ủy ban xã Trà Leng đến giáp xã Phước Thành và nâng cấp toàn bộ tuyến lên đường cấp V miền núi. Đồng thời tuyến này cũng là tuyến BN2 theo kết nối hai huyện Phước Sơn và Nam Trà My theo như quyết định số 846/QĐ-UBND.

+ Tuyến đường từ xã Trà Cang đến Ủy ban xã Trà Linh thành tuyến đường huyện ĐH3.NTM với chiều dài 21,6km và nâng cấp toàn bộ tuyến lên đường cấp V miền núi.

+ Tuyến ĐH4 chuyển thành tuyến đường xã và không đầu tư nâng cấp.

+ Tuyến đường xã Trà Vinh đến Đắc Ru thành tuyến đường huyện ĐH5.NTM với chiều dài 8,6km từ Ủy ban xã Trà Vinh đến Đắc Ru và nâng cấp toàn bộ tuyến lên đường cấp V miền núi.

+ Tuyến đường xã Trà Linh - Măng Lùng, tuyến Măng Lùng - Đắc Ngo thành tuyến đường huyện ĐH7.NTM kéo dài với chiều dài 21,6km và nâng cấp toàn bộ tuyến lên đường cấp V miền núi.

+ Tuyến Tắc Pong – Tắc Ngo thành tuyến ĐH12.NTM với chiều dài 8km.

+ Tuyến Trà Vân - Trà Don thành ĐH13.NTM có điểm đầu tại ĐH6.NTM

(Km5+950), điểm cuối ĐH5.NTM (Km20+600) có chiều dài 5,5km

- Đường vào vùng dực liệu và khai thác lâm nghiệp: Đến năm 2030, toàn huyện có 29 tuyến đường vào vùng dực liệu và khai thác lâm nghiệp; trong đó:

+ Đầu tư xây dựng mới các tuyến: DL1.1, DL6, DL6.1, DL20, DL22, DL25, DL26, DL27;

+ Nâng cấp và bê tông hóa các tuyến đường dực liệu còn lại.

c) Cấp nước sinh hoạt, sản xuất:

- Tổng nhu cầu dùng nước khu vực đô thị đến năm 2025 khoảng 1023.2m³/ngđ, đến năm 2030 khoảng 1608.86 m³/ngđ; khu vực nông thôn đến năm 2025 khoảng 3535.26m³/ngđ, đến năm 2030 khoảng 4030.62m³/ngđ; Khu vực công nghiệp đến năm 2030 khoảng 348m³/ngđ.

- Giải pháp: (1) đến giai đoạn 2025 nâng cấp nhà máy nước Tắc Pô hiện có công suất 450.0m³/ ngày đêm lên 1.000m³/ngày đêm, (2) đến năm 2030 nâng cấp mở rộng mạng lưới đường ống để phục vụ cấp nước cho đô thị trung tâm Nam Trà My và vùng phụ cận.

- Cấp nước nông thôn: Đầu tư, nâng cấp các công trình cấp nước tự chảy với nguồn nước lấy từ các khe suối để cấp nước sinh hoạt cho người dân.

- Cấp nước công nghiệp: Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước tự chảy với nguồn nước lấy từ các khe suối trong khu vực để cấp nước cho các nhà máy, xí nghiệp.

d) Cấp điện:

Theo Quy hoạch phát triển Điện Lực tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh Quảng Nam: huyện Nam Trà My được cấp điện từ trạm 110kV Bắc Trà My, công suất 40MVA. Với nguồn như trên, đảm bảo nguồn điện cấp cho huyện.

e) Xử lý nước thải:

- Nước thải đô thị:

+ Đối với khu dân cư mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn (nước bẩn riêng, nước mưa riêng).

+ Đối với các khu dân cư đã có hệ thống thoát nước chung, tiến hành xây dựng giếng tách và cống bao để tách riêng nước thải dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của khu vực.

+ Giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Xây dựng trạm xử lý nước thải, công suất trạm xử lý: 700m³/ngđ, quy mô diện tích khoảng 5ha.

- Nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn: Sử dụng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt và hố thấm tại mỗi hộ gia đình.

- Nước thải công nghiệp: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng cho từng

cum công nghiệp. Toàn bộ nước thải công nghiệp sẽ được xử lý cục bộ tại mỗi nhà máy đạt quy định sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải y tế: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho trung tâm y tế huyện. Nước thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải chăn nuôi tập trung: Xây dựng bể xử lý và ao sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi tập trung.

f) Quản lý chất thải rắn:

- Đối với chất thải rắn thông thường:

- + Khu vực đô thị trung tâm huyện bố trí các thùng rác dọc các tuyến đường để thu gom rác thải, khoảng cách 2 thùng là 100m – 150m. Theo định kỳ xe chuyên dùng sẽ thu gom và vận chuyển rác về khu xử lý rác thải, dự kiến đầu tư xây dựng tại thôn 4 xã Trà Mai;

- + Đối với khu vực trung tâm các xã; khu vực dân cư dọc các trục đường chính: Tiến hành thu gom tại các điểm tập kết. Sau đó, đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý.

- + Đối với các điểm dân cư ở xa các trục đường giao thông chính: Xây dựng các lò đốt/điểm chôn lấp hợp vệ sinh để xử lý tại chỗ.

- Đối với CTR công nghiệp: Các xí nghiệp sản xuất ký hợp đồng thu gom và xử lý CTR công nghiệp, riêng đối với chất thải nguy hại được thu gom xử lý riêng.

g) Nghĩa trang nhân dân:

- Quy hoạch xây dựng mới nghĩa trang nhân dân tập trung tại khu vực sau nghĩa trang liệt sỹ huyện để phục vụ cải táng mồ mã và mai táng mới cho nhân dân.

- Đối với khu vực còn lại, đầu tư xây dựng các nghĩa trang nhân dân theo quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt; quy mô và vị trí phù hợp với phong tục, tập quán của người dân địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo ngành chuyên môn hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục có liên quan đến Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Trà My giai đoạn đến năm 2030 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng trình tự, thủ tục quy định. Sau khi đồ án quy hoạch được phê duyệt, chỉ đạo quản lý, thực hiện quy hoạch theo đúng nội dung được duyệt.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị UBMTTQVN huyện và các hội, đoàn thể phối hợp chặt chẽ và đồng bộ với chính quyền trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Khóa XI, Kỳ họp thứ 4, thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- TVHU, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- HĐND&UBND các xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH